

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/HC-PT

Ngày: 26/02/2025

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần - Tòa án nhân dân tỉnh BG, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 545/2024/TLPT-HC ngày 11/11/2024, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1306/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T1 (Phạm Đình T1), sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh BG; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 1705B Tòa nhà SN, phường KH, quận HĐ, thành phố HN; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Ngọc T2 - Công ty luật TNHH KH thuộc Đoàn luật sư thành phố HN; địa chỉ: 1705B Tòa nhà SN, phường KH, quận HĐ, thành phố HN; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG - Ông Nguyễn Việt O1; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BG: Ông Ngô Văn X1 – Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh BG; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2 - 2.3. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện TY, tỉnh BG.

Người đại diện: Ông Nguyễn Đức H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TY; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H2, anh Phạm Đình T3 và anh Phạm Đình B1; cùng địa chỉ: Tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh BG; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/12/2023 và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Phạm Đình T1 trình bày:

Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 5 có diện tích 218,4m², nằm trên đường ĐT.294 (hiện nay) tại thôn TP1, xã NN, huyện TY, tỉnh BG (nay là Tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh BG), ông đã được UBND huyện TY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) vào năm 2003. Có nguồn gốc là của ông bà nội ông sử dụng từ những năm 1935-1936, sau khi ông bà qua đời thì bố mẹ ông tiếp tục quản lý, sử dụng và tặng cho ông phần diện tích 268,9m² (theo Bản đồ địa chính năm 2002 được thể hiện tại thửa 280, tờ bản đồ số 5).

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng đất. Tuy nhiên, mãi đến năm 2003 gia đình ông mới được cấp GCNQSDĐ. Mặc dù hiện trạng đất mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng là 268,9m² (được thể hiện trong Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2002 cũng như Bản đồ địa chính năm 2002) nhưng khi cấp GCNQSDĐ thì một phần diện tích đất trên (50,5m²) bị xác định là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông của đường ĐT.294 và chỉ được thừa nhận phần diện tích đất là 218,4m².

Nhận thấy toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc sử dụng từ những năm 1935-1936, trong khi đường ĐT.294 mới được hình thành sau này, khái niệm về đất “hành lang giao thông” cũng như việc xác định hành lang đường bộ đối với tuyến đường tỉnh 294 mới lần đầu xuất hiện trong Nghị định số 203-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 21/12/1982. Khi thấy có sự bất hợp lý trong việc cắt 50,5m² đất trong số 268,9m² đất mà gia đình ông đang sử dụng thành đất hành lang giao thông, ông có yêu cầu thì cán bộ địa chính xã NN có giải thích cho ông là: Phần diện tích đất này gia đình vẫn sử dụng bình thường, nhưng không được xây dựng công trình kiên cố lên đó, nếu xây phải xin phép và được cho phép, khi nhà nước thu hồi đất để làm đường sẽ được bồi thường theo quy định.

Sau khi được giải thích như vậy, ông cũng như các hộ dân trong khu vực đều tin tưởng và đã sử dụng ổn định từ thời điểm đó cho đến nay, tuy không xây dựng công trình kiên cố nhưng có trồng cây và xây dựng công trình tạm hoặc lắp biển quảng cáo trên phần diện tích đất này.

Căn cứ vào nguồn gốc đất cũng như nội dung được thể hiện trong Bản đồ địa chính xã NN đo đạc năm 2002, Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất thì diện tích đất mà gia đình ông hiện nay đang quản lý, sử dụng là 268,9m². Từ đó đến nay gia đình ông đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Đến nay UBND huyện TY thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.294 trên địa bàn thị trấn NN. Theo đó gia đình ông bị UBND huyện TY lấy đi một phần diện tích đất là 26,5m². Mặc dù, diện tích đất này đang do gia đình ông quản lý, sử dụng hợp pháp nhưng UBND huyện khi lấy đất làm đường đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai đối với gia đình ông trong việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất. Do vậy, ông làm khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BG giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện TY, Về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1), trú tại tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY lần đầu (sau đây viết tắt là Quyết định số 3939).

- Hủy Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh BG, Về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1), trú tại tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh BG lần hai (sau đây viết tắt là Quyết định số 1572).

- Buộc UBND huyện TY thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 26,5 m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh BG do ông Lê Ô P1, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Về trình tự và thẩm quyền giải quyết vụ việc: Sau khi UBND thị trấn NN ban hành Kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè và Thông báo các hộ dân di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện mở rộng đường tỉnh lộ 294 (viết tắt là Dự án), ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1) cùng một số hộ dân khác không nhất trí, có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện TY và đề nghị bồi thường về đất cùng tài sản gắn liền với đất khi thực hiện Dự án.

Ngày 17/8/2023, Chủ tịch UBND huyện TY có Quyết định số 3939, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1) *lần đầu*; sau khi nhận được Quyết định, ông T1 không nhất trí, khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh BG, Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại (*lần hai*) tại Quyết định số 1572 ngày 18/10/2023.

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1572 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều: 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

- Diện tích đất ông T1 đang đề nghị bồi thường là đất HLGT, không được cấp GCNQSDĐ đất nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật đất đai năm 2013; về tài sản tạo lập trên đất HLGT không đúng quy định nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, việc ông T1 đề nghị bồi thường về đất và tài sản trên đất là không có cơ sở.

Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 75, khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1572 ngày 18/10/2023 là đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, đất đai và các quy định khác có liên quan; việc giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh là khách quan, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với vụ việc. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh BG bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1.

Chủ tịch và UBND huyện TY, tỉnh BG do Nguyễn Đức H1, chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Về nguồn gốc đất: Thửa đất thổ cư của ông Phạm Văn T1 đang sử dụng tại TDP TP1, thị trấn NN có nguồn gốc là đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Về hồ sơ địa chính liên quan cấp GCNQSD đất: Bản đồ địa chính xã NN (nay sát nhập là thị trấn NN) đo đạc năm 2002, thửa đất của hộ ông T1 được thể hiện tại thửa số 280, tờ bản đồ số 5; Bản đồ địa chính thị trấn NN đo đạc năm 2017 thể hiện tại thửa 146, tờ bản đồ 31, diện tích 218,4m².

Theo Quyết định 100/QĐ-UBND ngày 17/11/2003 thì thửa đất của hộ ông T1 đã được UBND huyện TY cấp GCNQSDĐ diện tích 218,4m² đất ở tại thửa 280, tờ bản đồ 05, diện tích còn lại là 50,5m² thuộc hành lang giao thông (*theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thể hiện phần diện tích của hộ T1 được cấp GCNQSDĐ cách tim đường giao thông vào 10m*).

Theo kết quả trích lục bản đồ của Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ huyện thì từ tim đường vào 10m chưa đến ranh giới được cấp GCNQSDĐ của ông T1 tại thửa 280, tờ bản đồ số 5, ranh giới thực hiện dự án là 7,5m từ tim đường trở sang 02 bên.

Về hiện trạng sử dụng trước khi giải tỏa: Theo Thông báo số 28/TB-UBND ngày 16/7/2021 của UBND thị trấn NN thì gia đình ông T1 đã trồng 01 cây sấu.

Về giải tỏa hành lang giao thông: Năm 2021, UBND thị trấn NN đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 01/7/2021 về việc xây dựng kế hoạch lập lại trật tự vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ năm 2021 trên địa bàn thị trấn NN.

Sau khi thực hiện thống kê, kiểm đếm công trình, tài sản, cây cối, vật kiến trúc nằm trong hàng lang an toàn giao thông đường bộ, UBND thị trấn NN ban hành Thông báo số 28/TB-UBND ngày 16/7/2021, Thông báo số 31/TB-UBND ngày 22/7/2021, Thông báo số 34/TB-UBND ngày 28/7/2021 về việc di chuyển cây xanh, tháo dỡ mái che, mái vẩy, biển quảng cáo, các công trình trên đất thực hiện mở rộng Đường Tỉnh lộ 294 trên địa bàn thị trấn NN. Sau khi tuyên truyền, UBND thị trấn NN đã tổ chức giải tỏa theo quy định, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

Việc đặt tên, đổi tên đường và quy định về hành lang giao thông các thời kỳ: Đường Tỉnh lộ 294 trước đây là đường Tỉnh lộ 287 (có điểm đầu là S, điểm cuối là CC) theo Quyết định số 426/CT ngày 12/4/1993 của UBND tỉnh HB; đến năm 2006 được đổi tên theo Quyết định số 03/2006/QĐ-UBND ngày 10/01/2006 của UBND tỉnh BG. Hàng lang an toàn đường bộ Tỉnh lộ 294 được xác định từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, qua các thời kỳ như sau:

Theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và Chỉ thị số 13/CT-UB ngày 11/8/1983 của UBND tỉnh HB (nay là tỉnh BG): Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, trong đó đường TL 294 là 10m.

Theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định hành lang an toàn giao thông, lúc này đường Tỉnh lộ 294 quy hoạch thành đường cấp IV, giới hạn hành lang an toàn giao thông là 10m.

Theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ và Quyết định số 124/2012/QĐ-UBND ngày 11/5/2012 của UBND tỉnh BG với hành lang an toàn giao thông, trong đó đường bộ đường tỉnh 294 phần đất hành lang an toàn giao thông là 10m gồm: Đất bảo trì đường bộ rộng 1m và đất hành lang an toàn đường bộ rộng 9m.

Theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh BG quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ, trong đó đường tỉnh 294, phần đất hành lang an toàn giao thông là 15m gồm đất bảo trì đường bộ rộng 2m và đất hành lang an toàn đường bộ rộng 13m.

Như vậy, trước năm 2018 đường Tỉnh lộ 294 có hành lang giao thông là 10m; sau năm 2018 đường TL 294 hành lang giao thông là 15m.

Quan điểm của Chủ tịch và UBND huyện về yêu cầu khởi kiện: Việc công nhận cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông T1 theo Bản đồ đo đạc năm 2002 trong đó thể hiện phạm vi đất hành lang giao thông không được cấp GCNQSDĐ là đúng quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật đất đai; về tài sản được tạo lập trên đất hành lang giao thông không đúng quy định, UBND thị trấn NN đã có Kế hoạch giải tỏa hành lang nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BG bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2024/HC-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BG, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, 21, 29, 30, 31, 37, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1, 2 Điều 75; khoản 2, 4 Điều 82; Điều 92 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T1 (Phạm Đình T1) về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện TY, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1), trú tại tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY (*lần đầu*).

- Hủy Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh BG, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 (Phạm Văn T1), trú tại tổ dân phố TP1, thị trấn NN, huyện TY, tỉnh BG (*lần hai*).

- Buộc UBND huyện TY thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 26,5m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2024, người khởi kiện là ông Phạm Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn T1 và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh BG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Ngày 17/8/2023, Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 3939 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Đình T1 lần đầu.

Không nhất trí với Quyết định số 3939, ông T1 tiếp tục khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh BG.

Ngày 18/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh BG đã ban hành Quyết định số 1572 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Không nhất trí với các quyết định giải quyết khiếu nại, ông T1 đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án để xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, ông Phạm Đình T1 đã nộp đơn khởi kiện và thực hiện đúng về thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính nên HĐXX chấp nhận để xem xét, giải quyết theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Đình T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 3939 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1572 về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Buộc UBND huyện TY thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 26,5m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, đây là quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh BG.

[3]. Về sự vắng mặt người tham gia phiên tòa: Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; người đại diện hợp pháp của người bị kiện và những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về việc xác định người tham gia tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, vào nội dung và phạm vi yêu cầu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không đưa UBND thị trấn NN vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm, HĐXX xác định Chủ tịch và UBND huyện TY là người bị kiện trong vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3939, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 3939 là đúng thẩm quyền.

- Xét về thời hạn ban hành quyết định: Ngày 17/8/2023, Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 3939 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T1 lần đầu.

Căn cứ Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011, quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu như sau: “Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý”.

Theo quy định nêu trên, đến ngày 17/8/2023, Chủ tịch UBND huyện TY mới ban hành Quyết định số 3939 là vi phạm thời gian giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

- Xét về trình tự thủ tục ban hành Quyết định: Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 3939 là đảm bảo về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức và nội dung của quyết định: Chủ tịch UBND huyện TY ban hành Quyết định số 3939 đã thể hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại.

Quyết định số 3939 của Chủ tịch UBND huyện TY về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu mặc dù có vi phạm về thời gian giải quyết khiếu nại được quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011 nhưng đã đảm bảo về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục, về nội dung và hình thức của văn bản nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1 đề nghị hủy quyết định này là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1572, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 204 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Quyết định số 1572 là đúng thẩm quyền.

- Về thời hạn ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Quyết định số 1572 là đúng thời hạn được quy định tại Điều 37 Luật khiếu nại năm 2011.

- Xét về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T1, Chủ tịch UBND tỉnh BG đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại và tiến hành tổ chức đối thoại lần hai. Trên cơ sở tiến hành đối thoại và báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh BG ban hành Quyết định số 1572 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 38, 39 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Xét về hình thức và nội dung của quyết định: Quyết định số 1572 đã thể hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Quyết định số 1572 của Chủ tịch UBND tỉnh BG về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T1 lần hai đúng về thẩm quyền; đảm bảo về trình tự, thủ tục, nội dung và hình thức của văn bản nên ông Phạm Văn T1 yêu cầu hủy quyết định này là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu buộc UBND huyện TY thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên diện tích 26,5m² đất ở theo đúng quy định của

pháp luật. HĐXX nhận thấy:

Diện tích ông T1 đang đề nghị bồi thường thuộc thửa số 280, tờ số 05 bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 xã NN (nay là thị trấn), diện tích 268,9m²; Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất hộ gia đình ông T1 và 03 hộ dân xung quanh đã ký xác nhận ngày 10/8/2002 thể hiện diện tích 218,4m², diện tích thuộc đất HLGTT là 50,5m² (268,9m² - 218,4m²);

Ngày 17/11/2003, UBND huyện TY ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho người dân trên địa bàn xã, trong đó gia đình ông T1 được cấp tại thửa số 280, tờ bản đồ 05, diện tích 218,4m² đất ở, diện tích đất HLGTT là 50,5m² - cách tim đường giao thông vào là 10m (trong đó có diện tích 26,5m² ông đang đề nghị) không được cấp vào giấy CNQSD đất.

Theo bản đồ địa chính xã (nay là thị trấn) NN đo đạc năm 2017, diện tích đất ông T1 đang đề nghị thuộc một phần thửa số 165, tờ số 31, diện tích 1.957,8m², ký hiệu: DGT (đất giao thông) và một phần thửa số 146 diện tích 254,9m²; hiện nay gia đình chưa cấp đổi GCN sau đo đạc.

Theo trích lục bản đồ thực hiện Dự án năm 2021, diện tích đất ông T1 đang đề nghị nằm trong chỉ giới giải tỏa với chỉ giới 7,6m từ tim đường Tỉnh lộ 294 trở ra 2 bên đường, chỉ giới chưa đến ranh giới của thửa đất được cấp GCN năm 2003.

Năm 2021, thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo đường TL 294 đoạn từ ngã ba TS, huyện TY đến xã PS, huyện TY, UBND thị trấn đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 01/7/2021 lập lại trật tự vỉa hè, HLGTT đường bộ năm 2021 trên địa bàn thị trấn là đúng quy định của pháp luật. Theo Kế hoạch được duyệt, UBND thị trấn đã tổ chức thực hiện giải tỏa hành lang trên đất do Nhà nước quản lý không thuộc phần diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ ở cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có ông T1. Hiện diện tích ông T1 đang đề nghị bồi thường, UBND thị trấn đã giải tỏa xong, chủ đầu tư đã thi công mở rộng đường Tỉnh 294 (thực tế chỉ thực hiện trong phạm vi cách tim đường là 7,6m). UBND huyện TY không ban hành quyết định thu hồi đất do dự án thực hiện trong phạm vi hành lang giao thông, không nằm trong GCNQSDĐ đất cấp cho hộ ông T1 năm 2003 và được UBND thị trấn NN giải tỏa.

Căn cứ khoản 1 Điều 75, các khoản 2, 4 Điều 82 Luật đất đai 2013 thì diện tích 26,5m² đất thuộc hành lang giao thông không đủ điều kiện được bồi thường khi UBND huyện TY thu hồi đất để thực hiện Dự án, do vậy UBND huyện TY không lập phương án thu hồi đất, không bồi thường tiền cho ông T1 đối với phần diện tích 26,5m² đất hành lang giao thông là đúng quy định của pháp luật.

Về các tài sản được ông T1 tạo lập trên đất HLGTT là không đúng quy định, nên ông T1 không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật đất đai.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8]. Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tổ tụng hành chính, HĐXX xem xét về tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan là GCNQSDĐ do UBND huyện TY cấp ngày 23/11/2023 cho hộ ông Phạm Đình T1 được quyền sử dụng diện tích 218,4m² đất ở tại thửa 280, tờ bản đồ 05; địa chỉ thửa đất xã NN (nay là thị trấn NN), huyện TY, tỉnh BG.

- Xét về thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện TY cấp GCNQSDĐ hộ ông Phạm Đình T1 ngày 23/11/2023 là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai 1993.

- Xét về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp GCNQSDĐ: Theo Quyết định 100/QĐ-UBND ngày 17/11/2003 thì thửa đất của hộ ông Phạm Đình T1 đã được UBND huyện TY cấp GCNQSDĐ diện tích đất 218,4m² đất ở tại thửa 280, tờ bản đồ 05 là đúng quy định tại Điều 19 Luật đất đai năm 1993, Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính nên trong suốt quá trình nhận và quản lý giấy chứng nhận gia đình ông T1 không có bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại gì về Giấy chứng nhận nêu trên.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1 là không có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T1. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông Phạm Đình T1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình chứng cứ mới. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của ông T1, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Phạm Đình T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn T1 (Phạm Đình T1); giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2024/HC-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BG.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000003 ngày 20/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh BG.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường